

Số: /2026/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước giữa
Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh với các sở, ban, ngành và
UBND các xã, phường có khu kinh tế, khu công nghiệp
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;*

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật
số 62/2020/QH14;*

*Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ
sung bởi Luật số 115/2025/QH15;*

Căn cứ Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi
Luật số 76/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

*Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 được sửa
đổi, bổ sung bởi Luật số 144/2025/QH15;*

Căn cứ Luật Thanh tra số 84/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

*Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý
khu công nghiệp và khu kinh tế;*

*Theo đề nghị của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh tại Tờ trình số 99/TTr-
KKT ngày 08/6/2026 (sau khi tổng hợp ý kiến của các đơn vị, địa phương liên
quan; ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 171/BC-STP ngày
29/4/2026); ý kiến thống nhất của các Thành viên UBND tỉnh, Ban Thường vụ
Đảng ủy UBND tỉnh (bằng Phiếu biểu quyết);*

*Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định về quy chế phối hợp trong
công tác quản lý nhà nước giữa Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh với các sở, ban,
ngành và UBND các xã, phường có khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn
tỉnh Hà Tĩnh.*

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước giữa Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh với các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường có khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2026. Các quyết định của UBND tỉnh: số 40/2009/QĐ-UBND ngày 09/12/2009 về ban hành Quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý Khu kinh tế Vũng Áng với các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã có khu kinh tế, khu công nghiệp trong quản lý, đầu tư, xây dựng, phát triển Khu kinh tế Vũng Áng và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; số 31/2014/QĐ-UBND ngày 21/7/2014 ban hành Quy chế phối hợp giữa Ban Quản lý khu kinh tế tỉnh với các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường có khu kinh tế, khu công nghiệp về quản lý nhà nước trên địa bàn khu kinh tế, khu công nghiệp; số 15/2018/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại các khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành liên quan; Chủ tịch UBND các xã, phường có khu kinh tế, khu công nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Trung tâm TT và XTHTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KT, KT₂;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Báú Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phối hợp trong công tác quản lý nhà nước giữa Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh với các sở, ban, ngành và UBND các xã, phường có khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2026/QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, phương thức, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh với các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường có khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh trong việc thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các khu kinh tế và khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh (*sau đây gọi tắt là Ban Quản lý*); các sở, ban, ngành (*sau đây gọi tắt là các ngành*) và UBND các phường, xã (*sau đây gọi tắt là UBND cấp xã*) có khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

b) Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến hoạt động đầu tư, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh trong các khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Nguyên tắc phối hợp

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý khu kinh tế, khu công nghiệp và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Việc phối hợp dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị theo quy định, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hoạt động riêng của từng cơ quan, đơn vị, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan. Ngoài những nhiệm vụ chuyên môn, lĩnh vực, địa bàn được giao cho Ban Quản lý chủ trì thực hiện, các cơ quan liên quan tiếp tục, chủ động thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực, địa bàn theo các quy định pháp luật hiện hành, đồng thời có trách nhiệm trao đổi, phối hợp chặt chẽ với

Ban Quản lý trong hoạt động, triển khai các nhiệm vụ liên quan đến xây dựng, phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp, đảm bảo tính thống nhất, chặt chẽ, hiệu lực, hiệu quả, kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của các doanh nghiệp, nhà đầu tư.

Ban Quản lý, các ngành, UBND cấp xã và các cơ quan liên quan có trách nhiệm phối hợp giải quyết kịp thời các thủ tục hành chính liên quan theo đề nghị của cơ quan chủ trì hoặc các tổ chức, cá nhân trong thời gian quy định.

3. Các thông tin, tài liệu trao đổi trong quá trình phối hợp phải được quản lý, sử dụng đúng mục đích, yêu cầu phối hợp, đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật Nhà nước và các quy định pháp luật liên quan.

Điều 3. Phương thức phối hợp

Tùy theo tính chất, nội dung công việc cần phối hợp với các cơ quan khác, cơ quan chủ trì quyết định áp dụng một trong các phương thức phối hợp sau:

1. Gửi hồ sơ và lấy ý kiến cơ quan phối hợp có liên quan bằng văn bản: cơ quan phối hợp có trách nhiệm trả lời bằng văn bản theo quy định. Đối với những vấn đề pháp luật quy định thời hạn lấy ý kiến và trả lời ý kiến, thì thực hiện theo quy định. Đối với những vấn đề mà pháp luật không quy định cụ thể thời hạn lấy ý kiến và trả lời ý kiến, thì tùy vào tính chất, nội dung lấy ý kiến, cơ quan lấy ý kiến ghi rõ thời hạn trả lời nhưng không ít hơn 05 ngày làm việc kể từ ngày gửi văn bản, trừ trường hợp cần xử lý các vấn đề cấp bách, đột xuất.

Cơ quan liên quan có trách nhiệm phối hợp cung cấp thông tin, tham gia ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của đơn vị mình và đúng nội dung, thời hạn yêu cầu, có chính kiến rõ ràng về vấn đề được xin ý kiến, không trả lời chung chung, thiếu trách nhiệm hoặc né tránh trách nhiệm, đồng thời chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung tham gia ý kiến.

Trường hợp quá thời gian quy định mà cơ quan phối hợp không trả lời hoặc chậm có văn bản trả lời theo đề nghị của cơ quan chủ trì thì chịu trách nhiệm theo quy định khi làm ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng giải quyết công việc được lấy ý kiến, đồng thời chịu trách nhiệm theo quy định về việc tuân thủ kỷ cương, kỷ luật hành chính trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp.

2. Tổ chức họp, lấy ý kiến trực tiếp tại hội nghị: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Quy chế làm việc của UBND tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND ngày 01/3/2026 của UBND tỉnh.

3. Các phương thức phù hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Sau khi triển khai lấy ý kiến phối hợp, có kết luận xử lý, Ban Quản lý có trách nhiệm gửi đến mỗi cơ quan, đơn vị phối hợp 01 (một) bản để cập nhật thông tin, phối hợp quản lý. Các cơ quan, đơn vị khác cũng có trách nhiệm gửi đến Ban Quản lý 01 bản để cập nhật thông tin, phối hợp quản lý đối với những

nội dung có liên quan đến khu kinh tế, khu công nghiệp do các cơ quan, đơn vị chủ trì.

Chương II

NỘI DUNG VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP

Điều 4. Đầu tư xây dựng và phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp

1. Ban Quản lý:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính lập danh mục các dự án đầu tư và kế hoạch vốn đầu tư phát triển hằng năm và 5 năm trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính lập đề án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương, phương án huy động các nguồn vốn khác để đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội quan trọng trong khu kinh tế, báo cáo UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Sở Tài chính:

a) Phối hợp với Ban Quản lý xây dựng kế hoạch hàng năm và 5 năm về phát triển các khu kinh tế, danh mục các dự án đầu tư và kế hoạch vốn đầu tư phát triển hằng năm và 5 năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Chủ trì tổng hợp phương án phát hành trái phiếu chính quyền địa phương và các khoản vay khác theo đề xuất của Ban Quản lý để đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội quan trọng trong khu kinh tế, báo cáo UBND tỉnh để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

c) Tham gia ý kiến trong quá trình xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, kế hoạch, chương trình dự án về đầu tư phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp thuộc chức năng, nhiệm vụ quản lý.

3. Thông kê tình: Cung cấp các số liệu thống kê liên quan theo yêu cầu của Ban Quản lý nhằm phục vụ đánh giá hiệu quả hoạt động của các khu kinh tế, khu công nghiệp và xây dựng kế hoạch phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp hằng năm và 5 năm.

4. Các ngành, các cơ quan liên quan khác và UBND cấp xã:

Tham gia ý kiến về kế hoạch phát triển, phương thức huy động nguồn vốn đầu tư phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp; các khó khăn, vướng mắc trong quá trình xây dựng và phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

Điều 5. Quản lý quy hoạch

1. Ban Quản lý:

a) Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn các khu chức năng thuộc phạm vi quản lý. Lấy ý kiến các ngành, địa phương có liên quan theo quy định. Cung cấp hồ sơ quy hoạch đã

được cấp có thẩm quyền phê duyệt gửi UBND cấp xã để phối hợp quản lý. Tổng hợp, báo cáo định kỳ trước ngày 15/7 (đối với báo cáo 6 tháng), trước ngày 15/01 năm tiếp theo (đối với báo cáo hằng năm) hoặc khi có yêu cầu về tình hình lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch (kèm hồ sơ các quy hoạch đã phê duyệt) về Sở Xây dựng.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện các quy hoạch chung khu kinh tế.

c) Tham gia ý kiến bằng văn bản đối với nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn có liên quan địa bàn khu kinh tế, khu công nghiệp do các đơn vị được giao làm chủ đầu tư lập theo phân công, phân cấp của UBND tỉnh.

2. Sở Xây dựng:

a) Trên cơ sở đề xuất của Ban Quản lý, chủ trì tham mưu UBND tỉnh ban hành kế hoạch thực hiện các quy hoạch chung khu kinh tế.

b) Hướng dẫn Ban Quản lý thực hiện công tác lập, rà soát, bổ sung, điều chỉnh các quy hoạch đô thị và nông thôn theo thẩm quyền và được UBND tỉnh giao Ban Quản lý thực hiện.

c) Có ý kiến bằng văn bản đối với các quy hoạch đô thị và nông thôn được UBND tỉnh giao Ban Quản lý thực hiện theo quy định.

3. Sở Tài chính: Chủ trì tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí lập, điều chỉnh các nhiệm vụ, đồ án quy hoạch đô thị và nông thôn theo đề nghị của Ban Quản lý.

4. Các ngành và các cơ quan liên quan khác theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp tham gia ý kiến thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn theo địa bàn, lĩnh vực được giao quản lý; cung cấp thông tin liên quan về bản đồ, tài liệu, số liệu về điều kiện tự nhiên, hiện trạng kinh tế - xã hội, quy hoạch có liên quan.

5. UBND cấp xã:

a) Phối hợp với Ban Quản lý trong quá trình lấy ý kiến cộng đồng dân cư về nhiệm vụ và đồ án các quy hoạch đô thị và nông thôn theo quy định. Tham gia ý kiến bằng văn bản đối với các đồ án quy hoạch đô thị và nông thôn theo thẩm quyền và được UBND tỉnh giao Ban Quản lý thực hiện.

b) Trong quá trình tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, đồ án quy hoạch đô thị và nông thôn trên địa bàn khu kinh tế, khu công nghiệp, cần lấy ý kiến của Ban Quản lý theo quy định trước khi thẩm định, phê duyệt theo thẩm quyền.

c) Phối hợp với Ban Quản lý trong việc công bố công khai quy hoạch được phê duyệt; tổ chức triển khai cắm mốc giới tại thực địa, quản lý và bảo vệ mốc giới theo quy định.

d) Tuyên truyền, phổ biến cho Nhân dân về các chính sách, chủ trương, pháp luật của nhà nước về quy hoạch xây dựng. Phối hợp quản lý chặt chẽ tình

hình sử dụng đất theo quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.

Điều 6. Quản lý xây dựng và chất lượng công trình xây dựng

1. Ban Quản lý:

a) Sao gửi Giấy phép xây dựng do Ban Quản lý cấp cho UBND cấp xã nơi có dự án để phục vụ công tác quản lý. Tổng hợp, báo cáo trước ngày 15/7 (đối với báo cáo 6 tháng), trước ngày 15/01 năm tiếp theo (đối với báo cáo hằng năm) về Sở Xây dựng đối với tình hình cấp Giấy phép xây dựng theo chức năng quản lý.

b) Phối hợp với UBND cấp xã kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình thuộc trách nhiệm quản lý của Ban Quản lý. Khi phát hiện vi phạm trật tự xây dựng phải kịp xử lý hoặc kiến nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định.

c) Phối hợp với các cơ quan quản lý xây dựng chuyên ngành (Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường) trong công tác quản lý xây dựng và chất lượng công trình xây dựng theo quy định.

d) Tổng hợp, báo cáo định kỳ theo Quý về công tác thẩm định dự án, thẩm định thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở và quản lý chất lượng công trình xây dựng gửi về Sở Xây dựng trước ngày mùng 5 của Quý tiếp theo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh và Bộ Xây dựng.

2. Sở Xây dựng:

a) Tổ chức tập huấn, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước về hoạt động kiến trúc, cấp Giấy phép xây dựng, quản lý trật tự xây dựng cho các đối tượng trực tiếp quản lý của Ban Quản lý và UBND cấp xã.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện pháp luật trong các lĩnh vực quản lý nhà nước ngành xây dựng theo quy định đối với Ban Quản lý, UBND cấp xã và các chủ thể tham gia xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng công trình trong các khu kinh tế, khu công nghiệp.

3. Công an tỉnh:

a) Cho ý kiến bằng văn bản đối với các dự án do Ban Quản lý thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt sau khi nhận được văn bản đề nghị của Ban Quản lý.

b) Phối hợp với Ban Quản lý và các đơn vị liên quan kiểm tra công tác nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy đối với dự án, công trình thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý; hướng dẫn các doanh nghiệp về công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

4. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Phối hợp thẩm định các công trình, dự án xây dựng trong khu vực biên giới, cửa khẩu liên quan đến quốc phòng, an ninh theo đúng quy định của các Hiệp định, Luật Biên giới quốc gia và các quy định liên quan.

5. Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, UBND cấp xã theo phân cấp của UBND tỉnh, trực tiếp quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền trên địa bàn các khu kinh tế, khu công nghiệp; phối hợp, cung cấp thông tin theo yêu cầu về Ban Quản lý đối với các nội dung thuộc thẩm quyền trên địa bàn các khu kinh tế, khu công nghiệp.

6. UBND cấp xã:

a) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý để kiểm tra, quản lý trật tự xây dựng đối với các công trình do Ban Quản lý quyết định đầu tư, chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, phê duyệt quy hoạch chi tiết, chấp thuận quy hoạch tổng mặt bằng, cấp Giấy phép xây dựng.

b) Phối hợp với Ban Quản lý thực hiện việc theo dõi, kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn, xử lý hoặc kiến nghị xử lý kịp thời khi phát sinh vi phạm trên địa bàn khu kinh tế, khu công nghiệp.

Điều 7. Quản lý và xúc tiến đầu tư

1. Ban Quản lý:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan đăng ký đầu tư đối với các dự án đầu tư trong khu kinh tế, khu công nghiệp thuộc thẩm quyền. Chủ trì lấy ý kiến, tổng hợp, tiếp thu, báo cáo cấp có thẩm quyền trong quá trình giải quyết hồ sơ thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định.

b) Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động xúc tiến đầu tư vào các khu kinh tế, khu công nghiệp để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, phê duyệt trong Chương trình xúc tiến đầu tư của tỉnh hằng năm. Phối hợp tham mưu UBND tỉnh tổ chức thực hiện xúc tiến đầu tư của tỉnh.

c) Chủ trì thành lập Đoàn kiểm tra hoặc tham mưu UBND tỉnh thành lập Đoàn liên ngành (khi cần thiết) để kiểm tra dự án chậm tiến độ trong các khu kinh tế, khu công nghiệp.

d) Cung cấp thông tin về các khu kinh tế, khu công nghiệp gửi các ngành, UBND cấp xã khi có đề nghị; tổng hợp, tham mưu, đề xuất UBND tỉnh các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trong các khu kinh tế, khu công nghiệp.

2. Sở Tài chính:

Phối hợp với Ban Quản lý để tổng hợp danh mục các công trình, dự án kêu gọi, thu hút đầu tư vào khu kinh tế, khu công nghiệp vào danh mục các dự án kêu gọi, thu hút đầu tư trên địa bàn toàn tỉnh.

3. Các ngành, UBND cấp xã và các cơ quan liên quan khác căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao:

a) Phối hợp cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến lĩnh vực, địa bàn quản lý phục vụ công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư theo đề nghị của Ban Quản lý. Phối hợp xây dựng tài liệu, quảng bá hình ảnh, chương trình, tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư vào các khu kinh tế, khu công nghiệp của tỉnh.

b) Kể từ ngày nhận được đề nghị của Ban Quản lý, theo thời hạn thủ tục quy định, các cơ quan, địa phương có trách nhiệm gửi ý kiến thẩm định (đối với các nội dung yêu cầu phải thẩm định theo quy định pháp luật) thuộc chức năng, nhiệm vụ và cho ý kiến đối với các nội dung khác theo đề nghị của Ban Quản lý.

c) Phối hợp với Ban Quản lý giải quyết các khó khăn, vướng mắc của nhà đầu tư; kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện mục tiêu đầu tư; xử lý các vi phạm về lĩnh vực đầu tư của các dự án tại các khu kinh tế, khu công nghiệp.

Điều 8. Quản lý đất đai

1. Ban Quản lý:

a) Thông báo, cung cấp đầy đủ các văn bản, hồ sơ pháp lý, thông tin liên quan về dự án đầu tư do Ban Quản lý làm chủ đầu tư và dự án đầu tư của nhà đầu tư do Ban Quản lý chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho UBND cấp xã để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng.

b) Bàn giao tọa độ các mốc giải phóng mặt bằng cho tổ chức làm nhiệm vụ giải phóng mặt bằng đối với các dự án đầu tư do Ban Quản lý làm chủ đầu tư và dự án do Ban Quản lý chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

c) Cung cấp thông tin liên quan khi có đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc UBND cấp xã để thực hiện việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất trong các khu kinh tế.

d) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản phát hiện hành vi vi phạm trong lĩnh vực đất đai, văn bản chứng minh khắc phục xong hành vi vi phạm, phải kịp thời lập danh sách, nội dung thông tin gửi về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Thông tin và Xúc tiến hỗ trợ đầu tư tỉnh) để đăng trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, đồng thời gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp danh sách gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường đăng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

đ) Phối hợp với cơ quan có thẩm quyền tổ chức thực hiện việc kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trong khu kinh tế và khu công nghiệp.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh hồ sơ về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các nội dung khác thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định của pháp luật về đất đai và ủy quyền của UBND tỉnh; gửi bản sao quyết định, giấy chứng nhận và các hồ sơ liên quan đến Ban Quản lý để phối hợp theo dõi, quản lý.

b) Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với các trường hợp

bị thu hồi đất phục vụ các dự án trong các khu kinh tế, khu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

c) Tổng hợp danh sách theo đề nghị của Ban Quản lý và UBND cấp xã (có khu kinh tế, khu công nghiệp) khi phát hiện các trường hợp có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và các trường hợp đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm; các dự án đầu tư không đưa đất vào sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc chậm tiến độ sử dụng đất 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư; các dự án được gia hạn; các dự án chậm tiến độ sử dụng đất vì lý do bất khả kháng; người sử dụng đất vi phạm pháp luật về đất đai đã khắc phục xong hành vi vi phạm để gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường đăng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

3. Thuế tỉnh Hà Tĩnh:

a) Thông báo nghĩa vụ tài chính về số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho người sử dụng đất được Nhà nước giao đất, cho thuê đất tại khu kinh tế, khu công nghiệp; đồng thời, gửi cho Ban Quản lý để phối hợp theo dõi, quản lý.

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý và các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn, giải đáp vướng mắc, giải quyết khiếu nại về tính, thu, nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong các khu kinh tế, khu công nghiệp; xử lý đối với các trường hợp cơ quan thuế đã thực hiện các biện pháp quản lý thu hồi nợ nhưng người sử dụng đất không chấp hành.

c) Định kỳ hằng năm (trước ngày 15/01 năm tiếp theo), phối hợp cung cấp thông tin về tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai của các doanh nghiệp được cho thuê đất trong các khu kinh tế, khu công nghiệp để Ban Quản lý phối hợp theo dõi.

4. Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Thông tin và Xúc tiến hỗ trợ đầu tư tỉnh): Công khai trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh thông tin vi phạm và việc khắc phục vi phạm pháp luật đất đai trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách, thông tin của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý và UBND cấp xã.

5. UBND cấp xã:

a) Chủ tịch UBND cấp xã thực hiện các thủ tục về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và các nội dung khác thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai và phân cấp của UBND tỉnh; gửi Ban Quản lý các bản sao quyết định, giấy chứng nhận và các hồ sơ liên quan về đất đai của các dự án đầu tư do Ban Quản lý quyết định chủ trương đầu tư, cấp chứng nhận đăng ký đầu tư để phối hợp theo dõi, quản lý.

b) Chủ trì thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với diện tích đất thu hồi trong các khu kinh tế, khu công nghiệp. Xác nhận số kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp, gửi thông tin đến cơ quan thuế và Ban Quản lý. Tổng hợp, báo cáo quá trình thực hiện công tác bồi thường giải phóng mặt bằng các dự án trong các khu kinh tế,

khu công nghiệp thuộc địa bàn quản lý cho Ban Quản lý và cơ quan thẩm quyền theo định kỳ hoặc yêu cầu đột xuất.

c) Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, trong thời gian không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản phát hiện hành vi vi phạm trong lĩnh vực đất đai, văn bản chứng minh khắc phục xong hành vi vi phạm, phải kịp thời lập danh sách, nội dung thông tin gửi về Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh (Trung tâm Thông tin và Xúc tiến hỗ trợ đầu tư tỉnh) để đăng trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh, đồng thời gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp danh sách gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường đăng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

d) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý và các cơ quan liên quan xử lý kiến nghị của các tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng thu hồi đất trong phạm vi dự án thuộc các khu kinh tế, khu công nghiệp.

Điều 9. Quản lý môi trường

1. Ban Quản lý:

a) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường, thanh tra về bảo vệ môi trường và thực hiện công tác bảo vệ môi trường khác trong khu kinh tế, khu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

b) Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương liên quan tổ chức kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp trong khu kinh tế theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt.

c) Định kỳ 30/6 và 31/12 hằng năm, gửi danh sách và thông tin các dự án đầu tư phát sinh mới trong khu kinh tế, khu công nghiệp do Ban Quản lý chấp thuận chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư về Sở Nông nghiệp và Môi trường để quản lý và gửi Công an tỉnh để thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường.

d) Đơn đốc chủ dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc thẩm quyền quản lý gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường đến các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 23 Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

đ) Khẩn trương ứng phó khi xảy ra sự cố môi trường, đồng thời thông báo ngay cho UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan để phối hợp tổ chức ứng phó.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường:

a) Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan cho Ban Quản lý về kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp Giấy phép môi trường đã được

cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với các dự án đầu tư, cơ sở trong khu kinh tế, khu công nghiệp.

b) Phối hợp với Ban Quản lý tổ chức kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp trong khu kinh tế theo kế hoạch đã được UBND tỉnh phê duyệt.

c) Chủ trì, phối hợp với các ngành, địa phương liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện kiểm soát nguồn ô nhiễm, quản lý chất thải, chất lượng môi trường, cải tạo và phục hồi môi trường, phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong các khu kinh tế, khu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

d) Phối hợp, hướng dẫn Ban Quản lý, UBND cấp xã về chuyên môn, nhiệm vụ trọng tâm hoạt động bảo vệ môi trường, tổ chức thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong các khu kinh tế, khu công nghiệp theo quy định của pháp luật.

3. Công an tỉnh:

a) Trao đổi thông tin với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý và UBND cấp xã về kết quả phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về bảo vệ môi trường tại khu kinh tế, khu công nghiệp; gửi kết quả xử lý, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về môi trường và xử lý vi phạm sau kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường trong khu kinh tế, khu công nghiệp đến Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban Quản lý và UBND cấp xã có khu kinh tế, khu công nghiệp để theo dõi quản lý;

b) Cử đại diện tham gia các đoàn do Thanh tra tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Ban Quản lý chủ trì khi được đề nghị nhằm thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về môi trường phát sinh trong khu kinh tế, khu công nghiệp.

c) Khi phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường không thuộc thẩm quyền xử lý, phải kịp thời thông báo bằng văn bản tới cơ quan có thẩm quyền xử lý đồng thời có trách nhiệm phối hợp xử lý khi được đề nghị.

4. UBND cấp xã: Cử đại diện tham gia đoàn thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường, giải quyết khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về môi trường phát sinh trong khu kinh tế, khu công nghiệp do Thanh tra tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Ban Quản lý chủ trì khi có đề nghị.

Điều 10. Quản lý doanh nghiệp và thương mại

1. Ban Quản lý: Cung cấp thông tin về hoạt động của các doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở các dự án đầu tư được Ban quản lý quyết định chủ trương đầu tư, cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trong các khu kinh tế, khu công nghiệp khi có đề xuất của các ngành và địa phương liên quan.

2. Sở Tài chính: Cung cấp thông tin về việc cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, giấy chứng nhận

đăng ký hoạt động văn phòng đại diện trong các khu kinh tế, khu công nghiệp theo đề nghị của Ban Quản lý để phối hợp quản lý.

3. Sở Công Thương: Phối hợp thực hiện các chính sách về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa trên địa bàn, công tác quản lý thương mại biên giới; phối hợp đề xuất giải quyết những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị sửa đổi, bổ sung chính sách phù hợp với thực tiễn nhằm khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, thương nhân hoạt động kinh doanh thương mại, dịch vụ và xuất nhập khẩu hàng hóa.

4. Thuế tỉnh Hà Tĩnh:

a) Phối hợp, hướng dẫn, cho ý kiến về các vấn đề có liên quan đến công tác quản lý thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, sử dụng đất khi có đề nghị của Ban Quản lý.

b) Định kỳ hằng tháng (trước ngày 15 của tháng tiếp theo) cung cấp số liệu về nộp ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp có trụ sở hoặc thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn các khu kinh tế, khu công nghiệp cho Ban Quản lý tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

5. Chi cục Hải quan khu vực XI:

a) Cung cấp các thông tin, số liệu liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong các khu kinh tế, khu công nghiệp để phục vụ công tác thống kê, báo cáo theo đề nghị của Ban Quản lý.

b) Định kỳ hằng tháng (trước ngày 15 của tháng tiếp theo) cung cấp số liệu về kim ngạch xuất nhập khẩu, nộp ngân sách nhà nước trên địa bàn các khu kinh tế, khu công nghiệp cho Ban Quản lý tổng hợp báo cáo UBND tỉnh.

6. Thống kê tỉnh: Phối hợp, cung cấp thông tin cho Ban Quản lý số liệu tổng thể điều tra của các doanh nghiệp hằng năm.

7. Bảo hiểm xã hội tỉnh: Theo đề nghị của Ban Quản lý, trao đổi, cung cấp thông tin về tình hình thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; tổ chức tuyên truyền, đối thoại về các chính sách, pháp luật về Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đối với các doanh nghiệp, chi nhánh doanh nghiệp có trụ sở hoặc thực hiện dự án đầu tư trong các khu kinh tế, khu công nghiệp.

Điều 11. Quản lý lao động

1. Ban Quản lý:

a) Cung cấp thông tin, số liệu về lao động trong các khu kinh tế, khu công nghiệp thuộc thẩm quyền quản lý của Ban Quản lý theo đề nghị của ngành, địa phương liên quan.

b) Tổng hợp, đánh giá nhu cầu sử dụng lao động làm việc trong khu công nghiệp, khu kinh tế; phối hợp với UBND cấp xã và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung ứng lao động cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu kinh tế và hỗ trợ giải quyết việc làm cho lao động địa phương.

c) Chủ trì hoặc phối hợp với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện tuyên truyền, tập huấn, kiểm tra, giám sát liên quan đến việc chấp hành quy định của pháp luật về lao động.

2. Sở Nội vụ:

a) Phối hợp với Ban Quản lý và các ngành, địa phương liên quan phổ biến, tuyên truyền pháp luật; giải quyết tranh chấp lao động; kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện pháp luật về lao động của các doanh nghiệp trong các khu kinh tế, khu công nghiệp.

b) Chủ trì, phối hợp với Ban Quản lý và các ngành, địa phương tham mưu xây dựng và triển khai các chiến lược, chương trình, kế hoạch, dự án, đề án về việc làm, hỗ trợ việc làm, phát triển thị trường lao động, dịch vụ việc làm; thu thập, lưu trữ, tổng hợp, phân tích, dự báo, phổ biến và quản lý thông tin thị trường lao động trên địa bàn các khu kinh tế, khu công nghiệp.

c) Phối hợp với Ban Quản lý, UBND cấp xã và các cơ quan liên quan trong điều tra, cập nhật thông tin nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, nhà đầu tư, tuyên truyền, giới thiệu việc làm cho người lao động làm việc tại các khu kinh tế, khu công nghiệp.

3. Công an tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan quản lý đăng ký thường trú, tạm trú cho người nước ngoài và công nhân, người lao động đến từ các địa phương khác.

b) Phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan hướng dẫn, kiểm tra doanh nghiệp trong việc chấp hành các quy định của pháp luật trong sử dụng lao động người nước ngoài.

4. UBND cấp xã:

a) Phối hợp với Ban Quản lý và các cơ quan liên quan tuyên truyền phổ biến pháp luật lao động, các quy định có liên quan đến quyền và nghĩa vụ người lao động, người sử dụng lao động trên địa bàn; phối hợp giải quyết tranh chấp lao động xảy ra trên địa bàn các khu kinh tế, khu công nghiệp theo quy định.

b) Phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan thực hiện khảo sát, điều tra, thống kê về nguồn cung lao động; tuyên truyền, hỗ trợ giới thiệu việc làm cho người lao động vào làm việc tại các doanh nghiệp trong các khu kinh tế, khu công nghiệp.

c) Phối hợp với các sở, ngành, địa phương liên quan tổ chức thực hiện và tham gia thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật về lao động đối với người lao động, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động và người sử dụng lao động.

5. Đề nghị Liên đoàn Lao động tỉnh tăng cường tuyên truyền, giám sát việc thực hiện pháp luật lao động tại các doanh nghiệp; phối hợp với cơ quan có liên quan hướng dẫn, hỗ trợ và giúp đỡ các bên tham gia quan hệ lao động giải

quyết tranh chấp lao động, ngưng việc tập thể, đình công, phối hợp tổ chức các phong trào thi đua lao động sản xuất và các vấn đề về lao động khác trong các khu kinh tế, khu công nghiệp.

Điều 12. Quản lý khoa học và công nghệ

1. Ban Quản lý:

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các ngành và địa phương liên quan thực hiện thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ đối với dự án đầu tư thuộc diện phải thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ theo thẩm quyền.

b) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thực hiện đánh giá trình độ và năng lực công nghệ của doanh nghiệp; kiểm tra, kiểm soát công nghệ và chuyển giao công nghệ trong dự án đầu tư, hoạt động nghiên cứu phát triển và chuyển đổi số của doanh nghiệp trong khu kinh tế, khu công nghiệp.

c) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan giải quyết các đề xuất, khó khăn, vướng mắc khác trong lĩnh vực khoa học và công nghệ (nếu có) trong khu công nghiệp, khu kinh tế theo quy định.

2. Sở Khoa học và Công nghệ:

a) Chủ trì, phối hợp Ban Quản lý thực hiện công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ trong khu công nghiệp, khu kinh tế trên các lĩnh vực thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Sở Khoa học và Công nghệ theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số vào công tác quản lý nhà nước tại các khu kinh tế, khu công nghiệp.

Điều 13. Bảo đảm quốc phòng, an ninh

1. Công an tỉnh: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan và các lực lượng liên quan thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và hành vi vi phạm pháp luật, bảo vệ bí mật nhà nước; bảo vệ tài sản của Nhà nước và các doanh nghiệp trong các khu kinh tế, khu công nghiệp.

2. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: Thẩm định, cho ý kiến đối với các công trình, dự án xây dựng trong khu vực biên giới, cửa khẩu liên quan đến quốc phòng, an ninh theo quy định.

3. Ban Quản lý:

a) Phối hợp với lực lượng quân sự, công an, biên phòng, chính quyền địa phương triển khai công tác đảm bảo an ninh trật tự, đấu tranh, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội; đảm bảo trật tự an toàn giao thông, đẩy mạnh phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường các mặt công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự, nhất là an ninh chính trị nội bộ, an ninh

kinh tế, an ninh xã hội, quản lý lao động của các doanh nghiệp, nhà thầu, quản lý người nước ngoài, quản lý nhà nước về trật tự xã hội.

c) Phối hợp cung cấp thông tin, tài liệu cho Công an tỉnh tình hình liên quan đến xây dựng, phát triển các khu kinh tế, khu công nghiệp; tình hình về hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác của các doanh nghiệp trong khu kinh tế, khu công nghiệp, đặc biệt chú ý các đơn vị có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Cung cấp hồ sơ pháp lý, tài liệu liên quan đến các dự án đầu tư đang phát sinh vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng, phục vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự trong quá trình cưỡng chế, thi công công trình.

4. UBND cấp xã:

a) Chủ trì kiểm tra, giám sát, phát hiện và xử lý các vi phạm về an ninh trật tự trên địa bàn.

b) Phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh và dự đoán các vấn đề có khả năng phát sinh ảnh hưởng đến an ninh trật tự trong các khu kinh tế, khu công nghiệp để có phương án đề phòng.

5. Các ngành và cơ quan liên quan khác theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn phối hợp với Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và các cơ quan chức năng trong việc đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ trên địa bàn khu kinh tế, khu công nghiệp.

Điều 14. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính

1. Ban Quản lý:

a) Phối hợp với Thanh tra tỉnh trong việc xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp, nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư trong các khu kinh tế, khu công nghiệp trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện. Tham gia cùng đoàn thanh tra, kiểm tra của Thanh tra tỉnh, các ngành và địa phương liên quan khi có đề nghị.

b) Xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được phân cấp, ủy quyền.

2. Thanh tra tỉnh:

a) Gửi Kế hoạch thanh tra hằng năm đã được phê duyệt cho Ban Quản lý nếu có đối tượng thanh tra thuộc phạm vi quản lý của Ban Quản lý.

b) Cung cấp thông tin kết quả xử lý, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm sau kiểm tra, thanh tra có liên quan đến các dự án đầu tư trong khu công nghiệp, khu kinh tế đến Ban Quản lý để theo dõi, phối hợp quản lý.

3. Các ngành và UBND cấp xã:

a) Trên cơ sở đề nghị của Ban Quản lý, phối hợp xây dựng kế hoạch kiểm tra để phê duyệt theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện.

b) Lấy ý kiến của Ban Quản lý khi xây dựng kế hoạch kiểm tra đối với các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong các khu kinh tế, khu công nghiệp. Thông báo cho Ban Quản lý, UBND cấp xã liên quan về việc tổ chức kiểm tra, kết quả kiểm tra.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Ban Quản lý chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp xã và các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này.
2. Trong quá trình thực hiện, khi các văn bản pháp luật liên quan đến Quy chế này được cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới đó.
3. Những quy định khác liên quan đến hoạt động quản lý nhà nước tại các khu kinh tế, khu công nghiệp không được quy định trong Quy chế này được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành.
4. Trong quá trình triển khai thực hiện, trường hợp có vướng mắc, phát sinh, các sở, ban, ngành và UBND cấp xã phản ánh về Ban Quản lý để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH